

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2022/HS-ST**

Ngày: 16/12/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phước Mãng.

Ông Trương Thế Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quang T; Sinh ngày: 09/7/1989; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 48/60 đường NB, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Quang Th và bà: Nguyễn Thị Tuyết M (chết); Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 31/8/2022.

Tiền sự: Ngày 11/8/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 121/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 26/5/2022 (Giấy chứng nhận số: 1275/GCN-CS3 ngày 22/4/2022 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 3).

Nhân thân:

- Ngày 10/9/2008, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 255/2008/HSST). Ngày 21/8/2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định miễn chấp hành hình phạt tù theo Nghị quyết số: 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội (Quyết định số: 23/2009/QĐ-TATP). Đã thi hành xong

án phí ngày 08/3/2010 (Công văn trả lời xác minh số: 332/CCTHADS ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 05/4/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 60/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2016 và đã thi hành xong án phí ngày 19/8/2013 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 147/GCN của Trại giam Thủ Đức và Công văn trả lời xác minh số: 300/CCTHADS ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 03/11/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 540/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 01/9/2018 (Giấy chứng nhận số: 651/GCN-CSPV ngày 10/8/2018 của Cơ sở cai nghiện ma túy Bảo trợ Xã hội Phú Văn).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Trần Vũ L** (tên thường gọi là Xô); Sinh ngày: 21/9/1983; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 68/7 đường PTH, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn D (chết) và bà: Nguyễn Thị Kim L1; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 31/8/2022.

Nhân thân:

- Ngày 06/6/2000, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản của công dân» (Bản án số: 146/STHS). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/01/2001 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 02/GCN của Trại giam Kênh 7). Ngày 14/9/2009, Tòa án nhân dân Quận 8 xét miễn nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản nộp án phí (Công văn trả lời xác minh số: 301/CCTHADS ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 06/11/2003, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 12450/QĐ-UB).

- Ngày 18/8/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 249/2010/HSST). Đã thi hành xong án phí ngày 26/5/2011 (Công văn trả lời xác minh số: 400/CCTHADS ngày 20/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 15/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù của Bản án số: 249/2010/HSST ngày 18/8/2010, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 09 tháng tù (Bản án số: 27/2011/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2013 và đã thi hành xong án phí ngày 18/02/2022 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số:

1873/GCN của Trại giam Thủ Đức và Biên lai thu tiền số: 0062255 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thanh Th1; Sinh năm: 1957; Trú tại: 123 đường BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Minh T1; Sinh năm: 1959; Trú tại: 123 đường BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. Ông Lâm Phi D1; Sinh năm: 1961; Trú tại: 45/10/40 đường PPT, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Diệp Nh; Sinh năm: 1968; Trú tại: 45/10/38 đường PPT, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Bùi Quang Th; Sinh năm: 1960; Trú tại: 48/60 đường NB, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Trần Khánh H; Sinh năm: 1972; Trú tại: 465/1A đường LQS, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Tấn Ph; Sinh năm: 1984; Trú tại: 45/10/26 đường PPT, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi thống nhất cùng nhau đi lấy trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Sáng ngày 28/8/2022, Trần Vũ L điều khiển xe gắn máy biển số 59K1-399.47 (nhãn hiệu Honda Wave RS) chở Bùi Quang T đi từ nhà trọ ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến Thành phố Hồ Chí Minh tìm tài sản. Khi đến khu vực đường Bùi Viện, Quận 1, L và T dừng lại mua ma túy rồi đem đến bờ kè thuộc khu vực cầu Nguyễn Văn Cừ sử dụng. Đến 14 giờ 10 phút cùng ngày, khi chạy đến trước nhà số 45/10/40 đường PPT, Phường C, Quận F, cả hai phát hiện có 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K1-628.85 (nhãn hiệu Honda SH Mode, màu vàng nâu) của bà Nguyễn Thanh Th1 đang dựng trước cửa nhà này. Quan sát thấy không có người trông coi, L dừng xe lại, để T đi đến dùng đoạn bẻ ổ khóa công tắc, chiếm đoạt chiếc xe. Sau đó, T đem chiếc xe đến khu vực chợ

TT, Quận E bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) lấy 8.000.000 đồng, T chia cho L 2.500.000 đồng, còn lại T cất giữ tiêu xài chung.

Về phía bà Nguyễn Thanh Th1, sau khi phát hiện mất chiếc xe đã kiểm tra Camera ghi hình thì phát hiện Bùi Quang T, Trần Vũ L chính là người đã lấy trộm. Tuy nhiên do bận công việc nên đến ngày 30/8/2022, bà Th1 mới đến Công an Phường 3, Quận 6 trình báo.

Qua truy xét, ngày 30/8/2022 Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã bắt giữ Bùi Quang T, Trần Vũ L. Qua đấu tranh, T và L đều khai nhận nội dung như nêu trên.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng khai cũng tương tự.

Theo hai Biên bản xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Trạm y tế Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Bùi Quang T, Trần Vũ L dương tính với Heroine.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 80/KL-HĐĐGTS ngày 31 tháng 8 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu vàng nâu, biển số 59K1-628.85 (tình trạng sử dụng còn khoảng 60%) tại thời điểm ngày 28/8/2022 là: 34.000.000 đồng.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 107/QĐ-ĐTTH); khởi tố bị can đối với Bùi Quang T, Trần Vũ L về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 124/QĐ-ĐTTH và số: 125/QĐ-ĐTTH).

Đối với người đàn ông mà Bùi Quang T, Trần Vũ L khai mua chiếc xe gắn máy biển số 59K1-628.85 ở khu vực chợ TT, Quận E, hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 90/CT-VKS-Q6 ngày 29 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L đều khai nhận chính các bị cáo, đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH Mode, màu vàng nâu (các bị cáo không nhớ biển số) tại trước nhà số 45/10/40 đường PPT, Phường C, Quận F vào lúc 14 giờ 10 phút ngày 28/8/2022. Sau đó, các bị cáo đem chiếc xe bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) ở khu vực chợ TT, Quận E lấy 8.000.000 đồng chia nhau tiêu xài như nội dung bản cáo trạng nêu và các bị cáo đồng ý bồi thường trị giá của chiếc xe theo yêu cầu của chủ sở hữu là ông Nguyễn Minh T1;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh T1 xác nhận chiếc xe gắn máy biển số 59K1-628.85, số máy JF51E-0040042, số khung

RLHJF5108DY-040087 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, sơn màu Vàng Nâu, dung tích 125) là xe của ông, do ông đứng tên chủ sở hữu. Ngày 28/8/2022, vợ của ông là bà Nguyễn Thanh Th1 lấy xe đến nhà em gái tại địa chỉ 45/10/40 đường PPT, Phường C, Quận F ăn tiệc thì bị mất. Nay, ông T1 yêu cầu các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L bồi thường cho ông trị giá chiếc xe trên theo định giá ngày 31/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 là 34.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Bùi Quang T từ 02 năm đến 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trần Vũ L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Minh T1 trị giá chiếc xe gắn máy mà các bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được theo định giá ngày 31/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K1-399.47, số máy: JC52E-0017550, số khung: RLHJC520XCY-014032 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RS, dung tích 109) và số tiền 3.500.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu đen-xanh lá-đỏ-trắng; 01 nón kết màu xám hiệu RMIT; 01 đôi dép màu đen trắng đỏ hiệu ADIVE; 01 áo Grab tay dài màu xanh lá cây; 01 nón bảo hiểm màu bạc; 01 đôi dép quai ngang màu nâu (nhãn hiệu Hồng Thạnh); 01 áo sơ mi tay dài màu trắng.

Trả lại bị cáo Bùi Quang T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 355812095060082.

Trả lại bị cáo Trần Vũ L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sonas A7 màu đen, số Imei: 352051770003917.

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Bùi Quang T, Trần Vũ L lấy trộm tài sản tại trước nhà số 45/10/40 đường PPT, Phường C, Quận F vào ngày 28/8/2022) do ông Nguyễn Tấn Ph giao nộp; 01 bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 058009 ngày 26/12/2013 của Công an Quận 6 (biển số đăng ký 59K1-628.85, mang tên Nguyễn Minh T1), đã được niêm phong, bên ngoài có hai hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL221), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 30/8/2022 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 80/KL-HĐĐGTS ngày 31/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Nguyễn Thanh Th1; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh T1 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L đã phạm tội «Trộm cắp tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K1-628.85, số khung RLHJF5108DY-040087, số máy JF51E-0040042 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, sơn màu Vàng Nâu, dung tích 125) trị giá 34.000.000 đồng tại trước nhà số 45/10/40 đường PPT, Phường C, Quận F vào lúc 14 giờ 10 phút ngày 28/8/2022 (thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe thuộc quyền quản lý của bà Nguyễn Thanh Th1 - vợ của của ông Nguyễn Minh T1). Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Trong vụ án này, theo lời khai của các bị cáo thì bị cáo T là người chủ động rủ rê và trực tiếp dùng đoạn (bị cáo khai là 01 thanh sắt dài khoảng nửa gang tay bị cáo, có một đầu dẹp, một đầu vuông) bẻ ổ khóa công tắc để chiếm đoạt chiếc xe. Bị cáo L ngoài việc chuẩn bị công cụ phạm tội (đoạn phá ổ khóa), bị cáo còn là đồng phạm giữ vai trò giúp

sức tích cực cho bị cáo T trong việc chiếm đoạt tài sản. Và sau khi chiếm đoạt được tài sản các bị cáo đã cùng đem tài sản đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công bàn bạc, sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố các bị cáo về tội: «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L đều là những người đã trưởng thành, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Bản thân bị cáo Bùi Quang T ngày 11/8/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 5 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Ngoài ra, các bị cáo đều có nhân thân xấu (ngày 10/9/2008, bị cáo Bùi Quang T bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 05/4/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 05 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 03/11/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 8 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Bị cáo Trần Vũ L ngày 06/6/2000, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 12 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản của công dân»; ngày 06/11/2003, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 18/8/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 15/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 09 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»). Mặc dù lần phạm tội này các bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, các bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, là thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo L bệnh HIV dẫn đến bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng (mã nhóm B20), do đó Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia phạm tội của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, thì các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L đã chiếm đoạt và làm thiệt hại của ông Nguyễn Minh T1 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K1-628.85, số khung RLHJF5108DY-040087, số máy JF51E-0040042 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, sơn màu Vàng Nâu, dung tích 125). Tại phiên tòa, ông T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông trị giá chiếc xe này là 34.000.000 đồng (theo định giá ngày 31/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6). Xét yêu cầu của ông T1 là có cơ sở và các bị cáo cũng đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cấn trừ số tiền 3.500.000 đồng thu giữ của bị cáo T (bị cáo khai là tiền bán xe chưa tiêu xài hết), còn lại các bị cáo phải bồi thường cho ông T1 số tiền 30.500.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 15.250.000 đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 587 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày ông Nguyễn Minh T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L còn phải trả ông Nguyễn Minh T1 khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K1-399.47. Theo Kết luận giám định số: 20757/KL-KTHS ngày 22/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL141) và Phiếu trả lời xác minh ngày 30/8/2022 của Công an Quận 6 (BL79) thì chiếc xe có số khung: RLHJC520XCY-014032, số máy: JC52E-0017550 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RS, dung tích 109), do ông Trần Khánh H đứng tên chủ xe. Qua xác minh, ông H khai đã bán chiếc xe lại cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) vào năm 2019, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và ông H xác nhận

không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này (BL133). Còn bị cáo Bùi Quang T khai mua lại chiếc xe từ một người đàn ông không rõ lai lịch, cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần với giá 5.000.000 đồng. Ngày 09/11/2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe gắn máy trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL196), nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 59K1-399.47 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên Hội đồng xét xử giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.2] Đối với 01 nón bảo hiểm màu đen-xanh lá-đỏ-trắng; 01 nón kết màu xám hiệu RMIT; 01 đôi dép màu đen trắng đỏ hiệu ADIVE; 01 áo Grab tay dài màu xanh lá cây; 01 nón bảo hiểm màu bạc; 01 đôi dép quai ngang màu nâu (nhãn hiệu Hồng Thanh); 01 áo sơ mi tay dài màu trắng (các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L sử dụng lúc lấy trộm tài sản), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Còn 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 355812095060082 thu giữ của bị cáo Bùi Quang T và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sonas A7 màu đen, số Imei: 352051770003917 thu giữ của bị cáo Trần Vũ L. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho các bị cáo vì không đủ căn cứ xác định do các bị cáo phạm tội mà có hay các bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.4] Trả lại ông Nguyễn Minh T1 số tiền 3.500.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đang tạm giữ để cản trừ tài sản bị thiệt hại.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 137/PNK ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 75/QĐ-VKS-Q6 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 - BL193, 198, 219, 220)

[8.5] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Bùi Quang T, Trần Vũ L lấy trộm tài sản tại trước nhà số 45/10/40 đường PPT, Phường C, Quận F vào ngày 28/8/2022) do ông Nguyễn Tấn Ph giao nộp; 01 bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 058009 ngày 26/12/2013 của Công an Quận 6 (biển số đăng ký 59K1-628.85, mang tên Nguyễn Minh T1), đã được niêm phong, bên

ngoài có hai hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL221), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với người thanh niên mua chiếc xe gắn máy biển số 59K1-628.85. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào điều tra làm rõ xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Các bị cáo **Bùi Quang T, Trần Vũ L** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Bùi Quang T, Trần Vũ L** (Xô) phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Quang T** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Vũ L** (Xô) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Bùi Quang T** bồi thường cho ông Nguyễn Minh T1 15.250.000 (mười lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Buộc bị cáo **Trần Vũ L** bồi thường cho ông Nguyễn Minh T1 15.250.000 (mười lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Minh T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo **Bùi Quang T, Trần Vũ L** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo **Bùi Quang T, Trần Vũ L** còn phải trả ông Nguyễn Minh T1 khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59K1-399.47, số máy: JC52E-0017550, số khung: RLHJC520XCY-014032 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RS, dung tích 109) để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm. Nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm màu đen-xanh lá-đỏ-trắng; 01 (một) nón kết màu xám hiệu RMIT; 01 (một) đôi dép màu đen trắng đỏ hiệu ADIVE; 01 (một) áo Grab tay dài màu xanh lá cây; 01 (một) nón bảo hiểm màu bạc; 01 (một) đôi dép quai ngang màu nâu (nhãn hiệu Hồng Thanh); 01 (một) áo sơ mi tay dài màu trắng.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại ông Nguyễn Minh T1 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Bùi Quang T 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 355812095060082.

Trả lại bị cáo Trần Vũ L 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Sonas A7 màu đen, số Imei: 352051770003917.

(theo Giấy nộp tiền ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 193, 220)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Quang T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 762.500 (bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Vũ L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 762.500 (bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Bùi Quang T, Trần Vũ L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười

lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Thanh Th1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên

